

**DEVELOPING THE CREATIVE  
THINKING COMPETENCE OF EARLY  
CHILDHOOD EDUCATION STUDENTS  
TO MEET THE CURRENT  
INNOVATION REQUIREMENTS**

Nguyen Giang Lam

*Faculty of Education and Basic Sciences,  
Tien Giang University,  
Tien Giang province, Vietnam*

Corresponding author: Nguyen Giang Lam,  
email: [nguyengianglam@tgu.edu.vn](mailto:nguyengianglam@tgu.edu.vn)

Received August 17, 2024.

Revised September 22, 2024.

Accepted October 1, 2024.

**PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TƯ DUY  
SÁNG TẠO CỦA SINH VIÊN NGÀNH  
GIÁO DỤC MẦM NON ĐÁP ỨNG  
YÊU CẦU ĐỔI MỚI HIỆN NAY**

Nguyễn Giang Lam

*Khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản,  
Trường Đại học Tiền Giang  
tỉnh Tiền Giang, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Nguyễn Giang Lam,  
email: [nguyengianglam@tgu.edu.vn](mailto:nguyengianglam@tgu.edu.vn)

Ngày nhận bài: 17/8/2024.

Ngày sửa bài: 22/9/2024.

Ngày nhận đăng: 1/10/2024.

**Abstract.** Early Childhood Education is taking many important innovations, from goals to comprehensive education curriculum. The process of training students in Early Childhood Education at Pedagogical Universities needs to recognize and orient practical abilities for students. In this article, based on applying theoretical research methods, multiple-choice methods, and opinion survey methods, the author presents the concept and analyzes the current situation of expressing the creative thinking competence of students in Early Childhood Education. From there, the research proposes solutions to be implemented to develop the creative thinking competence of Early Childhood Education students in the context of innovation. Including motivation orientation and plan to train students; organizing teaching to develop students' creative thinking competence; support of internship facilities; developing students' creative thinking competence through movement activities; and assessing creative thinking competencies of students in Early Childhood Education.

**Keywords:** Competence, creative thinking, Early Childhood Education.

**Tóm tắt.** Ngành Giáo dục mầm non (GDMN) đang có nhiều đổi mới từ mục tiêu đến chương trình giáo dục toàn diện. Quá trình đào tạo sinh viên ngành GDMN của các trường Sư phạm cần nhận thức và định hướng những năng lực cần thiết cho sinh viên. Trong bài viết này, trên cơ sở vận dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp trắc nghiệm, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, tác giả trình bày khái niệm công cụ, phân tích thực trạng biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN ở các trường đại học khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Từ đó, nghiên cứu đề xuất các biện pháp cần thực hiện nhằm phát triển năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN trong bối cảnh đổi mới. Các biện pháp bao gồm: định hướng động cơ và kế hoạch rèn luyện năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên; tổ chức giảng dạy phát triển năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên; hỗ trợ của các cơ sở thực tập; phát triển năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên qua các hoạt động phong trào; thiết kế thang đo đánh giá sự phát triển năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN.

**Từ khóa:** Năng lực, tư duy sáng tạo, Giáo dục mầm non.

## 1. Mở đầu

Đảng và Nhà nước chủ trương đổi mới giáo dục theo hướng phát triển toàn diện nhân cách trẻ, tập trung vào sự phát triển con người để làm nền tảng cho sự phát triển của nguồn nhân lực trong xã hội [1]. Như vậy, việc chăm sóc, giáo dục trẻ em ở bậc học mầm non chính là nền tảng khởi đầu của quá trình đổi mới giáo dục theo hướng toàn diện. Trước những yêu cầu đổi mới của GDMN, các trường đại học đào tạo sinh viên của ngành cần có sự chuẩn bị rèn luyện cho người học năng lực tư duy sáng tạo, nhằm thích ứng với sự thay đổi và thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ trong tình hình mới.

Năng lực sáng tạo được đề cập từ rất sớm, vào thế kỉ XVII, Thomas Hobbes (1588-1679), lần đầu tiên công nhận tầm quan trọng của năng lực này và năng lực tư duy sáng tạo chính là một phần của năng lực sáng tạo [2]. Kant (1781) nhìn nhận năng lực này do thiên bẩm, có nguồn gốc từ linh cảm trực giác [3]. Đến thế kỉ XX, năm 1945, nhà Toán học George Pólya (1945) phủ nhận năng lực sáng tạo do thiên bẩm, đi đến khẳng định năng lực giải quyết vấn đề dựa trên những phương pháp khám phá khoa học khởi nguồn từ phát sinh các câu hỏi đa dạng và quan sát thực tiễn và ông gọi là phương pháp heuristics [4]. Phương pháp heuristics cũng được phát triển bởi nhà khoa học Descartes [5]. Những nghiên cứu tiếp theo, các tác giả chú trọng vào giải thích quy luật vận hành tư duy sáng tạo. Graham Wallas (1926) xác định tư duy sáng tạo diễn ra 4 giai đoạn: chuẩn bị (preparation or saturation), ấp ủ ý tưởng (incubation), thấu hiểu (illumination), đánh giá và làm tường minh vấn đề (verification or implementation) [6]. Năm 1950, Guilford nghiên cứu về phân loại tư duy phát hiện có hai loại tư duy. Loại thứ nhất, tư duy hội tụ sử dụng sự chặt chẽ của kiến thức để sàng lọc số lượng các kết quả, đi đến một phán đoán tối ưu nhất. Ngược lại, tư duy phân kì tìm ra nhiều giải pháp cho vấn đề. Mỗi giải pháp, đều được tư duy phân kì xem xét và tìm kiếm minh chứng để tăng sức thuyết phục và tính độc đáo trong việc xử lí tình huống bằng nhiều cách thức đa dạng. Guilford khẳng định tư duy phân kì chính là bản chất của tư duy sáng tạo [7]. Nghiên cứu của Guilford (1970) tạo nên bước tiến mới trong tiến trình làm tường minh bản chất tư duy sáng tạo với sáu thuộc tính, bao gồm: tính lưu loát (fluency), tính mềm dẻo (flexibility), tính chi tiết (elaboration), tính độc đáo (originality), tính nhạy cảm trước cái mới (sendibility) và sự định nghĩa lại không dựa trên thành kiến xã hội (redefinition).

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo được thể hiện thông qua ý tưởng, giải pháp hoặc sản phẩm cụ thể của con người làm ra, có tính mới và độc đáo, đồng thời có tính giá trị đối với cá nhân hoặc xã hội [8]. Năng lực này rất cần thiết đối với người học, nhất là độ tuổi thanh niên sinh viên. Trong nghiên cứu của nhóm tác giả Trần Thị Hoài và Nguyễn Thái Bá, đã khẳng định năng lực tư duy sáng tạo là một năng lực quan trọng cần rèn luyện ở sinh viên [9].

Bước đầu, những nghiên cứu về việc phát triển năng lực tư duy sáng tạo cho sinh viên ngành Sư phạm, nhóm tác giả do Huỳnh Văn Sơn chủ biên (2012), đã đề cập đến kĩ năng tư duy sáng tạo, xác định việc rèn luyện kĩ năng tư duy sáng tạo cần tập trung vào hai kĩ thuật phổ biến: phương pháp công não và phương pháp gián đồ ý [10]. Kĩ năng chính là mức độ hình thành ban đầu của năng lực tư duy sáng tạo. Tác giả Trần Thị Liên (2016) nhấn mạnh sự phát triển năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên Sư phạm được đẩy bởi định hướng nội dung và phương pháp giảng dạy của giảng viên ở trường đại học [11].

Việc rèn luyện năng lực tư duy sáng tạo cho sinh viên là nhiệm vụ trọng tâm của trường đại học, nhất là đối tượng sinh viên ngành GDMN. Bởi vì, chính sinh viên ngành GDMN sẽ là người dẫn dắt trẻ nhỏ phát triển toàn diện 05 lĩnh vực cần thiết, bao gồm: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm và kĩ năng xã hội, góp phần xây dựng giá trị cốt lõi con người Việt Nam.

## 2. Nội dung nghiên cứu

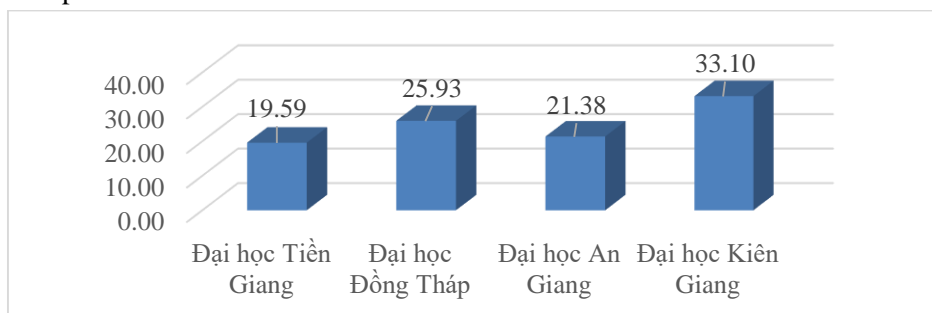
### 2.2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

Bài viết phân tích năng lực tư duy sáng tạo thông qua trắc nghiệm TSD-Z trên nhóm khách

thể 725 sinh viên ngành GDMN ở 04 trường đại học của khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Các biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN gắn với các hoạt động thực tế tại trường đại học được đánh giá thông qua phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Tác giả chọn mẫu khảo sát ngẫu nhiên theo tiêu chí tương đối cân bằng giữa sinh viên ngành GDMN của 04 trường đại học: Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học Tiền Giang, Trường Đại học Kiên Giang, Trường Đại học An Giang. Kết quả thể hiện ở Biểu đồ 1.

Trong mẫu nghiên cứu sinh viên ngành GDMN, có 27,41% sinh viên năm thứ nhất, 25,07% sinh viên năm thứ hai, 33,21% sinh viên năm thứ ba, và 14,31% sinh viên năm thứ tư. Sinh viên trình độ đại học chiếm tỉ lệ 67,4% và tỉ lệ 32,6% sinh viên trình độ cao đẳng. Tỉ lệ sinh viên tham gia làm thêm bên cạnh việc học chiếm 30,7%, còn lại 69,3% sinh viên chỉ tập trung vào việc học. Đối với công việc làm thêm của sinh viên liên quan trực tiếp đến thực hành, rèn luyện năng lực sư phạm như chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non, chiếm tỉ lệ hạn chế (6,2%), phần lớn sinh viên ngành GDMN tham gia các công việc khác như các dịch vụ chăm sóc khách hàng.

Đối với sinh viên ngành GDMN tại 4 trường đại học của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, tỉ lệ sinh viên sống ở các vùng nông thôn chiếm đa số, tỉ lệ 82,1% và chỉ có 17,9% sinh viên sống ở thành thị như thành phố và các thị xã trung tâm của tỉnh. Mẫu nghiên cứu này có 28,9% sinh viên là cán bộ Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên, còn lại 71,1% sinh viên là đoàn viên, thanh niên ở các lớp.



**Biểu đồ 1. Tỉ lệ % sinh viên ngành Giáo dục mầm non của mẫu nghiên cứu**

Nghiên cứu được trình bày theo hướng tiếp cận từ lí luận đến thực tiễn, những khái niệm công cụ và nội dung phân tích sự cần thiết của năng lực tư duy sáng tạo đối với sinh viên ngành GDMN được trình bày trên cơ sở phương pháp nghiên cứu tài liệu. Từ khung lí thuyết về năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN, tác giả tiến hành xây dựng bảng hỏi, khảo sát ý kiến của sinh viên. Nội dung khảo sát ý kiến nhằm đánh giá các biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN gắn với các hoạt động cụ thể: học tập, nghiên cứu; thực hành nghiệp vụ; thực tập sư phạm; hoạt động phong trào.

Bảng hỏi được thiết kế dưới dạng thang đo Likert 05 mức độ: (1) Hoàn toàn không đồng ý; (2) Không đồng ý; (3) Phân vân; (4) Đồng ý; (5) Hoàn toàn đồng ý. Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo này là 0,92 > 0,68, chứng minh các tiêu chí thiết kế trong bảng hỏi có độ tin cậy cao [12]. Điểm trung bình các biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên Sư phạm được mã hoá ở Bảng 1.

**Bảng 1. Quy ước mức độ đánh giá năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên**

Tên mức độ	Kém	Thấp	Trung bình	TB khá	Khá	Khá cao	Rất cao
Điểm	1,00 - 1,57	1,58 - 2,15	2,16 - 2,73	2,74 - 3,31	3,32 - 3,89	3,90 - 4,47	4,48 - 5,00

Các biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN trong nghiên cứu này còn được đánh giá thông qua trắc nghiệm TSD-Z (Test Schoepferisches Denken – Zeichnerisch) [13]. Trắc nghiệm có 2 dạng A và B. Mỗi dạng được thực hiện trên giấy có sẵn 6 họa tiết, được

đóng khung lại. Sinh viên sẽ dùng bút chì hoặc bút mực để vẽ, không được sử dụng thước kẻ hoặc tẩy. Sinh viên tham gia trắc nghiệm sẽ được phát lần lượt trắc nghiệm dạng A và B. Mỗi trắc nghiệm được hoàn thành trong thời gian tối đa là 15 phút, nghiệm thể có thể kết thúc sớm hơn. Nghiệm thể kết thúc trắc nghiệm A mới được làm tiếp trắc nghiệm B. Sản phẩm của sinh viên sau khi hoàn thành, tổng điểm đạt tối đa là 72, được đánh giá theo 14 tiêu chí: mở rộng (Mr), bổ sung thêm (Bs), phần tử mới (Pm), liên kết hình (Lkh), liên kết đề tài (Lđt), vượt khung do họa tiết (Vh), vượt khung không phụ thuộc họa tiết (Vkh), phối cảnh (Pc), hài cảm cảm (Hc), tính bất quy tắc A (BqA), tính bất quy tắc B (BqB), tính bất quy tắc C (BqC), tính bất quy tắc D (BqD), thời gian hoàn thành (Tg).

Kết quả trắc nghiệm năng lực tư duy sáng tạo được đánh giá theo thang đo chuẩn hoá, thể hiện ở Bảng 2.

**Bảng 2. Mức độ năng lực tư duy sáng tạo đánh giá bằng trắc nghiệm TSD-Z**

Trắc nghiệm	Kém	Thấp	Trung bình	TB khá	Khá	Cao	Rất cao
Tổng điểm Trắc nghiệm A	0 - 17	18 - 22	23 - 36	37 - 45	46 - 53	54 - 63	64 - 72
Tổng điểm Trắc nghiệm B	0 - 16	16 - 22	23 - 38	39 - 44	45 - 50	51 - 59	60 - 72

Tất cả số liệu thu thập được qua điều tra bằng bảng hỏi và trắc nghiệm TSD-Z được thống kê và xử lý bằng phần mềm SPSS 23.0 nhằm xác định điểm trung bình, tỉ lệ %, hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của thang đo. Quá trình phân tích kết quả nghiên cứu, so sánh sự khác biệt giữa các nhóm đối tượng khảo sát về những tiêu chí nhất định, chúng tôi có sử dụng hai phép kiểm định Independent-samples T-test và kiểm định Anova với mức ý nghĩa  $\alpha=0,05$ , độ tin cậy 95%.

**2.2. Năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN**

Thuật ngữ về năng lực xuất hiện từ những năm 1970, McClelland mô tả năng lực như khả năng cơ bản để thực hiện công việc [14]. Boyatzis mở rộng cách hiểu thuật ngữ của McClelland, xác định năng lực là các phẩm chất của một cá nhân có liên quan đến việc thực hiện công việc đạt hiệu quả cao [15]. Spencer and Spencer dựa trên định nghĩa về năng lực của Boyatzis, khẳng định năng lực của một cá nhân bao gồm việc vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ có liên quan đến các tiêu chí đánh giá hiệu suất công việc [16]. Tương tự, Dubois định nghĩa năng lực là các đặc điểm mà cá nhân có được và sử dụng chúng trong những ngữ cảnh thích hợp và nhất quán để đạt được kết quả mong muốn [17].

Theo Hoàng Phê, năng lực là khả năng, trong điều kiện chủ quan hoặc khách quan thực hiện hiệu quả một hoạt động nào đó [18]. Như vậy, năng lực bao gồm cả khả năng tự nhiên và khả năng được đào tạo để thực hiện công việc một cách hiệu quả. Theo D.S Rychen và L.H Salganik xác định năng lực không chỉ là kiến thức và kỹ năng, năng lực bao gồm khả năng đáp ứng các tiêu chí phức tạp dựa trên việc huy động các nguồn lực tâm lý (kiến thức, kỹ năng và thái độ) trong một hoàn cảnh cụ thể [19].

Dưới góc độ Tâm lý học, theo Vũ Dũng, năng lực là tổ hợp các thuộc tính tâm lý của cá nhân phù hợp với yêu cầu đặc trưng của một hoạt động nhất định nhằm đảm bảo cho hoạt động đó được thực hiện với hiệu quả cao [20]. Bản chất của năng lực là khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ vào việc giải quyết công việc nhằm đạt được hiệu quả tối ưu.

Ngày nay, việc nghiên cứu năng lực con người trong thế kỉ 21 gắn liền với tư duy sáng tạo, nhằm giải quyết liên tục những tình huống mới phát sinh trong cuộc sống. Theo chương trình giáo dục năng lực sống của Cambridge (năm 2024), năng lực tư duy sáng tạo là một khái niệm phức tạp có thể được định nghĩa là xu hướng hoặc khả năng tạo ra những ý tưởng, những lựa chọn thay thế có tính độc đáo và mới lạ.

Đối với các cơ sở giáo dục đại học, trong chương trình đào tạo của Đại học British Columbia, năng lực tư duy sáng tạo được chú trọng rèn luyện cho sinh viên. Việc rèn luyện cho sinh viên hành động thực tế tạo ra các ý tưởng và khái niệm mới, gắn liền với bối cảnh phát sinh tình huống có vấn đề. Năng lực tư duy sáng tạo phản ánh giá trị của ý tưởng, khái niệm mới đối với cá nhân hoặc xã hội, góp phần giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong lí luận và thực tiễn.

Tại Việt Nam, những nghiên cứu về việc rèn luyện năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên chưa nhiều và thường dừng lại góc độ rèn luyện kĩ năng. Trong nghiên cứu về kĩ năng mềm của sinh viên Đại học Sư phạm, Huỳnh Văn Sơn, đã phân tích kĩ năng tư duy sáng tạo, là khả năng vận dụng kiến thức tâm lí vào giải quyết vấn đề hiệu quả dựa trên sự phân tích, lựa chọn các giải pháp tối ưu và độc đáo. Nhóm tác giả đồng thời xác định việc rèn luyện kĩ năng tư duy sáng tạo cần tập trung vào hai kĩ thuật phổ biến: phương pháp công não và phương pháp giản đồ ý. Nếu kĩ năng này hình thành ở sinh viên và được thường xuyên, rèn luyện nâng cao dần sẽ phát triển được năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên Sư phạm [10].

Như vậy, năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên được chú trọng nhiều trong những nghiên cứu của thế kỉ 21. Đặc biệt là từ năm 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trương, hoạt động dạy học ở phổ thông phải hướng đến quá trình hình thành năng lực của học sinh, không dừng lại ở các kiến thức, kĩ năng rời rạc. Trường đại học là nơi đào tạo sinh viên ngành GDMN trở thành giáo viên phải nhận thức được yêu cầu này và có những định hướng, cũng như hành động thực tế hỗ trợ sinh viên phát triển năng lực tư duy sáng tạo.

Trong nghiên cứu này, năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN được hiểu là những hành động giải quyết vấn đề bằng nhiều giải pháp mới, có tính độc đáo. Biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN gắn liền với các hoạt động mà sinh viên tham gia vào: học tập – rèn luyện nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học; thực hành và thực tập sư phạm tại các cơ sở giáo dục; xử lí tình huống thực tế trong hoạt động phong trào Đoàn – Hội. Tác giả xác định các biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN:

*Năng lực quan sát, phát hiện thuộc tính mới:* Năng lực này được bộc lộ ngay khi sinh viên ngành GDMN tiếp nhận tình huống có vấn đề cần được giải quyết trong các hoạt động, bao gồm: học tập – nghiên cứu, thực hành nghiệp vụ, thực tập sư phạm và hoạt động phong trào. Đây là khả năng sinh viên ngành GDMN phân tích bối cảnh tình huống, so sánh với các tình huống tương tự, suy luận lật ngược vấn đề, nhằm phát hiện những thuộc tính đã cho, khai thác các thuộc tính mới của đối tượng như đặc điểm về cấu trúc, chức năng. Năng lực quan sát được thể hiện tốt nhất trong môi trường làm việc nhóm kết hợp với làm việc độc lập. Quá trình phát triển năng lực quan sát, phát hiện thuộc tính mới của sinh viên ngành GDMN thường bắt đầu từ hướng dẫn, gợi mở của người dạy thông qua các nhiệm vụ thực tế của công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi. Sau đó, sinh viên ngành GDMN nhận diện được quy trình thực hiện năng lực. Sinh viên ngành GDMN sẽ cần nhiều lần tương tác với quan sát, phát hiện thực tế theo quy trình được hướng dẫn. Đến thời điểm nhất định, sinh viên làm chủ được quan sát, phát hiện và có những cải tiến so với quy trình hướng dẫn. Giai đoạn phát triển nối tiếp, sinh viên ngành GDMN linh hoạt hơn với quan sát, phát hiện. Cuối cùng, sinh viên ngành GDMN có thể quan sát chuyên nghiệp và hướng dẫn được bạn bè, phụ huynh tiến hành xử lí các tình huống trong chăm sóc, giáo dục trẻ. Nếu các trường đại học định hướng và hướng dẫn năng lực quan sát tốt cho sinh viên ngành GDMN, sinh viên sẽ làm tốt nhiệm vụ quan sát và hướng dẫn quan sát cho học sinh trong quá trình thực tập sư phạm, hoạt động nghề nghiệp về sau.

*Năng lực phân tích mở rộng vấn đề:* Sinh viên ngành GDMN huy động kiến thức, kĩ năng có liên quan đến vấn đề để khai thác thuộc tính của vấn đề theo chiều rộng, chi tiết. Sau đó, sinh viên ngành GDMN tổng hợp và mô hình hóa thông tin của vấn đề dưới dạng trực quan bằng hình ảnh, sơ đồ tư duy hoặc biểu đồ. Sinh viên tìm kiếm những cơ hội mở rộng các thuộc tính của đối tượng hoặc bổ sung thêm những nhân tố có thể làm thay đổi hướng giải quyết vấn đề một cách mới lạ. Năng lực này hỗ trợ sinh viên ngành GDMN tìm thấy mối liên hệ độc đáo giữa nhiều thuộc tính

của đối tượng có liên quan, nhằm hình thành cấu trúc và chức năng mới. Năng lực phân tích, mở rộng vấn đề của sinh viên ngành GDMN phát triển từ hướng dẫn của người khác, nhận diện các bước phân tích, cải tiến dần năng lực phân tích, đưa bản thân về chủ động và trở thành chuyên gia phân tích, có thể hướng dẫn người khác.

*Năng lực hình thành nhiều giả thuyết khác nhau cho vấn đề:* Sinh viên ngành GDMN phát hiện nhiều phương án có thể giải quyết vấn đề chăm sóc, giáo dục trẻ và chấp nhận xem xét tất cả các phương án, lập kế hoạch kiểm chứng. Mỗi phương án giải quyết, sinh viên xác định cải tiến liên tục thành các phương án độc đáo mà trước đây chưa từng có nhằm khẳng định con đường giải quyết vấn đề có nhiều tính mới. Năng lực hình thành đa dạng giả thuyết tạo lập được các giải pháp ban đầu là phong phú về số lượng, về sau phát triển giải pháp theo chiều sâu, nghĩa là chú trọng đến các giải pháp có tính độc đáo và có tính giá trị.

*Năng lực suy luận logic và trực giác nhằm hình thành các giải pháp:* Năng lực này đòi hỏi sinh viên ngành GDMN khái quát hóa các thuộc tính đã tìm thấy, sắp xếp chúng một cách hệ thống để đi đến những phương án giải quyết vấn đề độc đáo. Điều đặc biệt ở năng lực này, cá nhân liên tục kiểm tra tính khả thi của giải pháp khi điều kiện thực tế thay đổi nhằm linh hoạt điều chỉnh hoặc bổ sung hướng giải quyết vấn đề ngày càng hoàn thiện.

*Năng lực lập luận ngôn ngữ thuyết phục:* Sinh viên ngành GDMN dùng ngôn ngữ (lời nói, chữ viết) và phi ngôn ngữ trình bày biện chứng, mới lạ các giải pháp của vấn đề. Ngôn ngữ trở thành phương tiện thể hiện, chia sẻ và thuyết phục người khác về tính độc đáo, hiệu quả của những giải pháp. Ban đầu năng lực lập luận của sinh viên Sư phạm sẽ có những khó khăn do chưa hiểu sâu sắc và ngôn ngữ thiếu linh hoạt. Quá trình tập luyện năng lực này theo thời gian và chất lượng đầu tư của sinh viên Sư phạm, lập luận ngôn ngữ sẽ linh hoạt, logic biện chứng gia tăng sự thuyết phục đối với mọi người xung quanh.

### **2.3. Quá trình phát triển năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN**

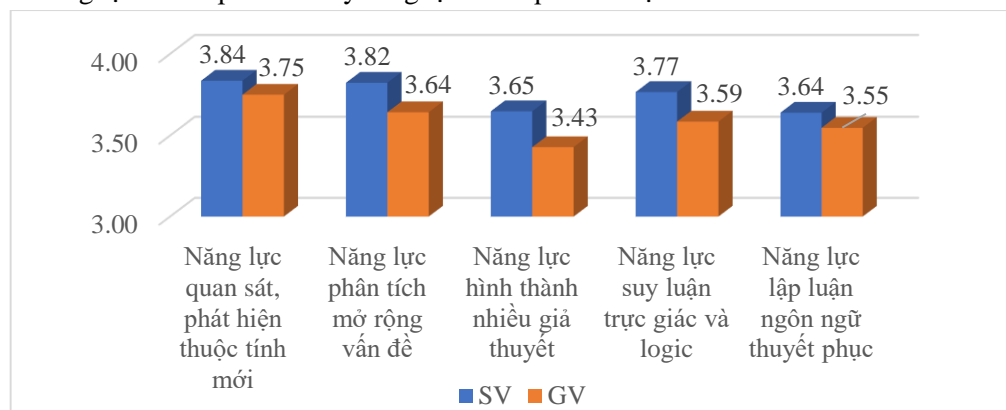
Về cơ sở lí luận, năng lực tư duy sáng tạo là những hành động thực tế của cá nhân tham gia vào quan sát, phát hiện và giải quyết vấn đề. Năng lực này được hình thành và phát triển thông qua hoạt động mà cá nhân trải nghiệm [19]. Như vậy, việc phát triển năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN là quá trình kết hợp cân bằng giữa sự chủ động của sinh viên tham gia vào tiến trình giải quyết vấn đề trong các hoạt động học tập – rèn luyện nghề nghiệp, đồng thời là hoạt động hướng dẫn của giảng viên. Bên cạnh đó sự hỗ trợ của các bên liên quan như bạn bè, đội ngũ cố vấn học tập, gia đình và sự định hướng từ Nhà trường, các tổ chức đoàn thể. Sự phát triển năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN không thể thiếu môi trường thực tế bộc lộ các năng lực thành phần, đó chính là cơ sở thực tập giáo dục và bối cảnh thời đại diễn biến liên tục những yêu cầu, tình huống mới trong chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.

Việc phát triển năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN không thể thiếu vai trò của hoạt động dạy học. Thông qua hoạt động dạy học, giảng viên định hướng động cơ rèn luyện năng lực tư duy sáng tạo cho sinh viên. Giảng viên tăng cường hướng dẫn các năng lực: quan sát, phân tích, hình thành đa dạng giả thuyết, suy luận trực giác kết hợp với logic, lập luận ngôn ngữ, cho sinh viên ngành GDMN. Từ đó, sinh viên phát huy việc rèn luyện hàng ngày để phát triển năng lực tư duy sáng tạo của bản thân. Nghiên cứu về hoạt động dạy học phát triển năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên trong thế kỉ XXI, Lay Ah-Nam và Kamisah Osman đề xuất một chiến lược dạy học phát triển môi trường học tập kiến tạo, phát triển đồng thời kiến thức và kĩ năng, mức độ tự chủ trách nhiệm. Dựa trên các lí thuyết học tập theo chủ nghĩa kiến tạo, nhóm tác giả đã xác định ba hoạt động cần thực hiện trong giảng dạy, bao gồm: (1) Khuyến khích sinh viên khám phá và giải quyết vấn đề thông qua làm việc theo nhóm, (2) Tạo cơ hội để truyền đạt ý tưởng và (3) Thu hút sinh viên tham gia vào quá trình của thiết kế và làm ra các sản phẩm học tập, nghiên cứu cụ thể [21]. Hoạt động dạy học phát triển năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên, cũng cần gắn kết với quá trình đánh giá năng lực này. Theo nghiên cứu của nhóm tác giả Lai và Viering, chúng ta nên kết hợp nhiều phương pháp đánh giá khác nhau; thiết kế các nhiệm vụ học

tập phức tạp và mang tính thử thách cao; xây dựng các nhiệm vụ dựa trên các bối cảnh thực, các vấn đề có ý nghĩa trong thực tiễn; tạo cho người học tư duy và suy luận trực quan, kết hợp với trực giác phán đoán; khám phá các phương pháp tư duy sáng tạo bằng việc vận dụng công nghệ và các mô hình đo lường tâm lí mới [22].

#### 2.4. Thực trạng năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN ở các trường đại học khu vực Đồng bằng sông Cửu Long

Nghiên cứu tiến hành phân tích các năng lực thành phần tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN các trường đại học khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, trong hoạt động học tập – rèn luyện. Nội dung này, tác giả đối sánh kết quả tự đánh giá của sinh và đánh giá của giảng viên đối với 05 năng lực thành phần tư duy sáng tạo. Kết quả thể hiện ở Biểu đồ 2.



**Biểu đồ 2. Kết quả đánh giá biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN và giảng viên thông qua kết quả khảo sát ý kiến**

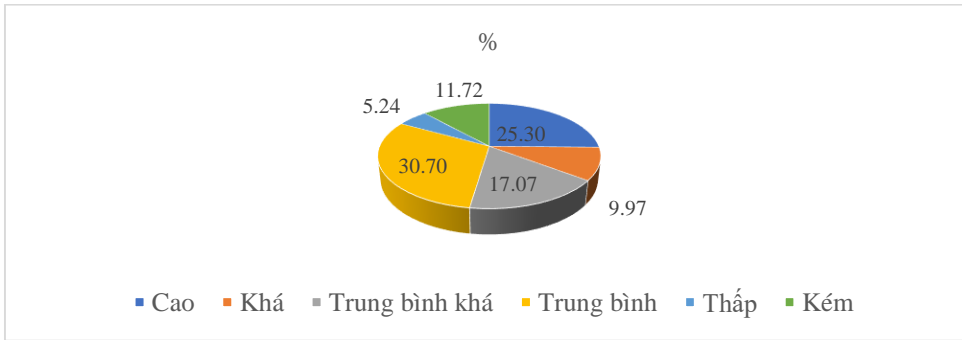
Điểm trung bình kết quả đánh giá 05 năng lực thành phần tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN ở mức độ khá ( $3,43 \leq \text{ĐTB} \leq 3,84$ ). Nhìn chung, kết quả tự đánh giá của sinh viên ( $3,64 \leq \text{ĐTB} \leq 3,84$ ) cao hơn kết quả đánh giá của giảng viên ( $3,43 \leq \text{ĐTB} \leq 3,75$ ) ở tất cả các biểu hiện của năng lực tư duy sáng tạo. Biểu đồ 2 cho thấy, sinh viên ngành GDMN biểu hiện khá hơn ở 03 năng lực: quan sát, phát hiện thuộc tính mới; phân tích, mở rộng vấn đề; suy luận trực giác và logic. Năng lực hình thành nhiều giả thuyết và năng lực lập luận ngôn ngữ, sinh viên ngành GDMN biểu hiện yếu thế hơn. Bạn T.T.N – Trường Đại học An Giang, xác nhận, khi giải quyết các vấn đề học tập, tình huống thực tế, sinh viên thường tập trung nghĩ cách giải quyết tối ưu và thực hiện. Sinh viên chưa có thói quen nghĩ và thực hiện nhiều cách giải quyết vấn đề. Bạn Đ.M.T - Trường Đại học Tiền Giang lí giải việc lập luận ngôn ngữ nhằm giải thích cách thức giải quyết vấn đề khó khăn đối với sinh viên. Nhất là khi sinh viên trình bày bằng lời trước giảng viên và tập thể lớp học. Đối với việc diễn đạt bằng ngôn ngữ viết, giảng viên hay nhận xét về sinh viên trình bày theo kiểu liệt kê, chưa có thói quen viết thành đoạn, chưa liên kết ý chặt chẽ nhau.

Với các biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo ở mức khá, sinh viên các trường đại học khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long đã thực hiện chủ động và có những cải tiến mới các giai đoạn từ tiến trình quan sát, phân tích mở rộng, hình thành các giả thuyết, suy luận trực giác và logic, lập luận bằng ngôn ngữ. Giảng viên T.H.M – Trường Đại học Tiền Giang nhận định, sinh viên ngành Giáo dục mầm non đặc trưng về học tập chăm chỉ, nghiêm túc, tích lũy được nhiều kiến thức nền, kĩ năng nghiệp vụ. Khả năng quan sát, phát hiện vấn đề của sinh viên tốt, phân tích được tình huống. Tuy nhiên, các bạn chưa mạnh dạn phát huy những ý tưởng mới, sinh viên thường chọn giải pháp an toàn, được nhiều người chấp nhận.

Như vậy, sinh viên ngành GDMN có nhiều ưu thế về năng lực quan sát thuộc tính mới, năng lực phân tích mở rộng vấn đề. Hai năng lực thành phần này hỗ trợ nhau hiệu quả, bởi vì năng lực phân tích sẽ khó phát huy tính mở rộng ra khỏi các giới hạn nhận thức nếu năng lực quan sát phát

hiện thuộc tính chưa linh hoạt. Đối với năng lực hình thành nhiều giả thuyết cho việc giải quyết vấn đề ở sinh viên yếu thế hơn 04 năng lực thành phần còn lại. Kết quả đánh giá khái quát về 05 năng lực thành phần của tư duy sáng tạo ở sinh viên ngành GDMN các trường đại học khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, thể hiện nhiều biểu hiện tích cực và sự đầu tư nghiêm túc trong công việc, tuy nhiên đặc tính về sự linh hoạt, đa chiều trong hành động giải quyết vấn đề chưa phải là điểm mạnh của sinh viên.

Kết quả đánh giá năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN thông qua trắc nghiệm TSD-Z, thể hiện sự phân tầng các mức độ khác nhau, thể hiện ở Biểu đồ 3.



**Biểu đồ 3. Các mức độ năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên thông qua trắc nghiệm**

Biểu đồ 3 cho thấy tỉ lệ sinh viên ngành GDMN biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo thông qua trắc nghiệm TSD-Z, phần lớn ở mức trung bình (30,70%) và mức cao (25,30%). Tỉ lệ ít hơn sinh viên biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo ở mức trung bình khá (17,07%) và mức khá 9,97%. Điều đáng lưu ý là tỉ lệ 16,96% sinh viên biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo ở mức thấp và kém. Kết quả trắc nghiệm các tiêu chí của năng lực tư duy sáng tạo, tác giả nhận thấy sinh viên ngành GDMN các trường đại học khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long biểu hiện tốt năng lực: liên kết hoạ tiết, liên kết đề tài, thể hiện hài cảm. Các năng lực tư duy sáng tạo thể hiện sự đột phá như kéo dài hoặc mở rộng hoạ tiết, phối cảnh đa dạng, trừu tượng hoá hình ảnh ít được thể hiện. Điều này xác định, sinh viên ngành GDMN có những ưu thế về năng lực quan sát, phân tích, suy luận logic, trực giác. Kết quả này tương đồng với đánh giá của sinh viên và giảng viên thông qua kết quả khảo sát ý kiến.

Tác giả cũng đã tiến hành xem xét các sản phẩm của nhóm sinh viên ngành GDMN thực hiện trắc nghiệm ở các mức độ: kém, thấp, trung bình, trung bình khá. Điểm trừ sản phẩm của nhóm sinh viên này phần lớn do vượt quá tiến độ thời gian quy định của trắc nghiệm dưới 12 phút và nhóm khách thể chưa thuyết minh chủ đề tổng thể của hình vẽ. Như vậy, hạn chế của sinh viên ngành GDMN các trường đại học khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long về năng lực tư duy sáng tạo liên quan đến năng lực lập luận, năng lực bao quát các nhiệm vụ cần giải quyết và năng lực phản hồi nhanh với áp lực thời gian nhất định.

Đối sánh biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo giữa sinh viên ngành GDMN các trường, kết quả kiểm định Anova cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa ( $\text{sig} = 0,00 < 0,05$ ). Sinh viên ngành GDMN các trường đại học biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo ở mức khá, bao gồm: Đại học Tiền Giang, Đại học Đồng Tháp, Đại học An Giang. Sinh viên ngành GDMN của Trường Đại học Kiên Giang biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo thấp nhất trong các trường, nhưng vẫn ở mức khá, sinh viên tự chủ giải quyết vấn đề theo những cách thức mới, hạn chế về sự linh hoạt.

Đối sánh biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN qua các năm, kiểm định Anova với  $\text{sig} = 0,00 < 0,05$ , thể hiện sự khác biệt ý nghĩa. Sinh viên năm thứ nhất và thứ hai, các biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo ở mức khá. So với các năm, sinh viên năm thứ hai, đang ở giai đoạn thích nghi với quá trình học tập ở trường đại học, biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo ở mức khá, tuy nhiên thấp nhất trong các năm. Sinh viên năm thứ ba, đang dần phát triển về năng lực hình thành nhiều giả thuyết, năng lực suy luận và năng lực lập luận, biểu hiện khá cao



( $3,90 \leq \text{ĐTB} \leq 4,47$ ) ở hai năng lực: quan sát và phân tích mở rộng vấn đề. Sinh viên năm thứ tư biểu hiện khá cao ở các năng lực: quan sát, phân tích mở rộng, hình thành nhiều giả thuyết và suy luận logic, trực giác. Đối với năng lực lập luận ngôn ngữ, sinh viên năm thứ ba và thứ tư chưa cải thiện so với 2 năm đầu tiên, vẫn ở mức độ khá. Cô T.T.H – giảng viên Trường Đại học Đồng Tháp nhận định, các năng lực quan sát, phân tích mở rộng, suy luận trực giác, logic của sinh viên Sư phạm thay đổi tích cực qua các năm đào tạo tại trường đại học. Hai năng lực còn lại là hình thành nhiều giả thuyết và năng lực lập luận ngôn ngữ có cải tiến nhưng không rõ rệt, đặc biệt là năng lực lập luận ngôn ngữ, cần quá trình tự chủ tập luyện.

Đối sánh biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN có và không tham gia công việc làm thêm, với  $\text{sig} = 0,00 < 0,05$ , xác định sự khác biệt ý nghĩa. Sinh viên có tham gia công việc làm thêm, nhất là công việc chăm sóc, giáo dục trẻ, biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo cao hơn sinh viên không tham gia làm thêm. Đặc biệt ở năng lực quan sát và năng lực hình thành nhiều giả thuyết của tư duy sáng tạo, sinh viên có tham gia công việc làm thêm biểu hiện ở mức độ khá cao ( $3,90 \leq \text{ĐTB} \leq 4,47$ ). Kết quả này tương đồng với nội dung phân tích của nhóm tác giả Alison Cook-Sather, Melanie Bahti, and Anita Ntem về việc gia tăng kinh nghiệm, tốc độ giải quyết vấn đề thông qua công việc làm thêm của sinh viên, thúc đẩy năng lực tư duy sáng tạo [23].

Đối sánh biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo giữa sinh viên sống ở nông thôn và thành phố, kết quả kiểm định T-test, với  $\text{sig} < 0,05$ , xác định sự khác biệt ý nghĩa. Sinh viên sống ở nông thôn biểu hiện năng lực tư duy sáng tạo cao hơn sinh viên sống ở thành phố, tuy nhiên vẫn ở mức độ khá, hạn chế về sự linh hoạt trong năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. Nhóm khách thể sinh viên ngành GDMN các trường đại học khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long đặc trưng là sinh viên sinh sống tại địa phương, thành phố trực thuộc các tỉnh.

## **2.5. Giải pháp phát triển năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN các trường đại học khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay**

Phát triển năng lực tư duy sáng tạo cho sinh viên là điều cần thiết trong bối cảnh GDMN đang có nhiều thay đổi tích cực hướng đến phát triển nhân cách toàn diện cho trẻ thông qua trải nghiệm đa dạng.

*Thứ nhất*, Khoa chuyên ngành phối hợp cùng Bộ môn GDMN tiếp nhận sinh viên, hướng dẫn cụ thể về chương trình đào tạo. Trong đó, việc hướng dẫn chuẩn đầu ra về năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN, cần giải thích tường minh về sự cần thiết của năng lực này đối với quá trình học tập – rèn luyện nghề nghiệp. Khoa và Bộ môn cần phối hợp với đội ngũ làm công tác cố vấn học tập tham vấn, tư vấn hoạt động học tập, nghiên cứu, rèn luyện năng lực của sinh viên. Việc phát triển năng lực tư duy sáng tạo, sinh viên cần nghiên cứu và thực hiện thường xuyên những chiến lược và kỹ thuật cụ thể như: phương pháp công não (brainstorming) của tác giả Alex Osborn (1941), phương pháp Sáu chiếc mũ tư duy (Six Thinking Hats) của Edward De Bono (1985) [10], chương trình CoRT (Cognitive Research Trust) của Edward De Bono (1970, 1973) [7]. Các phương pháp huấn luyện phát triển năng lực tư duy sáng tạo được đề cập, chú trọng vào cách đặt vấn đề đa chiều để phát huy những ý tưởng mới nảy sinh bằng sự linh hoạt của linh cảm trực giác và suy luận logic. Sinh viên những năm đầu (năm thứ nhất, năm thứ hai) cần chủ động tiếp cận các phương pháp tư duy sáng tạo để phát triển tốt các năng lực này. Sinh viên sống ở thành phố, linh cảm trực giác chưa cao, cũng rất cần vận dụng các chiến lược tư duy sáng tạo để hình thành năng lực.

*Thứ hai*, hoạt động giảng dạy của khối kiến thức giáo dục đại cương và nghiệp vụ sư phạm theo cấu trúc chương trình đào tạo sẽ được giảng dạy trước, dẫn dắt quá trình phát triển năng lực của sinh viên ngay từ những năm đầu tiên. Giảng viên phát huy vai trò tích hợp phát triển năng lực quan sát phát hiện thuộc tính mới, năng lực phân tích chi tiết và mở rộng vấn đề, khuyến khích sinh viên suy nghĩ đa dạng các hướng có thể giải quyết vấn đề. Với mỗi giả thuyết có thể tìm thấy cho việc giải quyết vấn đề, khuyến khích sinh viên kiểm chứng tất cả giả thuyết thông qua suy luận hệ thống và vận dụng trực giác linh hoạt để tìm được những giải pháp mới. Giảng viên nên

tạo ra các cơ hội cho sinh viên trình bày bằng ngôn ngữ nói và viết, kết hợp phi ngôn ngữ, thuyết phục mọi người xung quanh về tính mới trong những phương án giải quyết vấn đề. Việc tranh luận, phản biện trong tập thể là môi trường rất tốt cho sinh viên ngành GDMN rèn luyện bản lĩnh và năng lực tư duy sáng tạo. Như vậy, giảng viên không kết luận vấn đề hay đưa ra đánh giá điểm số ngay, mà cần tập trung vào nhận xét ưu điểm, đặt câu hỏi định hướng cho sinh viên tự hoàn chỉnh các hạn chế đang tồn tại trong giải pháp hiện tại. Năng lực này cũng rất cần được phát huy ở chính tập thể sinh viên.

*Thứ ba*, hoạt động giảng dạy các học phần chuyên ngành cho sinh viên ngành GDMN, chú trọng tạo sự kết nối của việc vận dụng kiến thức, năng lực ngành vào quá trình sinh viên giải quyết các vấn đề thực tiễn của hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Thêm vào đó, chúng ta làm tốt hơn việc dẫn dắt sinh viên phát huy năng lực quan sát tình huống, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch hoạt động, nội dung, phương pháp chăm sóc và giáo dục phù hợp với trẻ ở trường mầm non. Những sản phẩm của sinh viên gắn với chuyên ngành Giáo dục mầm non, như: kế hoạch chăm sóc, giáo dục, đồ dùng, đồ chơi, ý tưởng phối hợp các nội dung, phương pháp, giảng viên chuyên ngành nên khuyến khích những đôi mới từ sinh viên, thay vì giảng viên quan tâm quá nhiều đến việc sinh viên đảm bảo quy trình thực hiện đầy đủ các bước. Điều này đồng nghĩa, giảng viên chuyên ngành nên tập luyện và phát huy năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN trong các tình huống thực tiễn, hơn là thu hẹp sự dẫn dắt người học kiến thức, năng lực chuyên sâu về ngành học. Điều tất yếu là quá trình đánh giá năng lực của sinh viên ngành GDMN đối với các học phần chuyên ngành, giảng viên phải có tiêu chí đánh giá năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên.

*Thứ tư*, năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên ngành GDMN có thay đổi tích cực theo hướng phát triển, được quyết định bởi chính động cơ nội tại và những hành động thiết thực của sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện. Trước hết, sinh viên xác định động lực cho quá trình rèn luyện năng lực tư duy sáng tạo xuất phát từ sự phát triển năng lực bản thân. Sinh viên chủ động rèn luyện năng lực dẫn dắt trẻ mầm non trải nghiệm, khám phá tự nhiên qua các tình huống thực tế, chính trẻ em được vui chơi thoải mái, phát hiện vấn đề mới, tìm thấy niềm vui khi gia tăng sự hiểu biết và năng lực phù hợp với trẻ nhỏ. Mỗi hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non sẽ khó diễn ra theo kế hoạch nhất định, trong thực tế sẽ liên tục có những tình huống phát sinh từ quá trình khám phá của trẻ nhỏ, sinh viên ngành GDMN cần chủ động tìm hiểu và xử lý linh hoạt điều chỉnh các hoạt động, nội dung, phong cách giao tiếp cho phù hợp. Với thời đại công nghệ số phát triển như hiện nay, học liệu phong phú, có tính kết nối giữa Việt Nam và các nước trên thế giới, sinh viên ngành GDMN phải cập nhật thông tin, các chiến lược phát triển năng lực tư duy sáng tạo, tự bồi dưỡng và phát triển chính mình.

*Thứ năm*, đối với các cơ sở GDMN tiếp nhận sinh viên tham gia thực hành, thực tập, ưu thế đã là môi trường rất thực tiễn cho sinh viên ngành GDMN phát huy năng lực tư duy sáng tạo. Đội ngũ giáo viên hướng dẫn sinh viên tiếp tục tạo điều kiện cho sinh viên tham gia lập kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ, tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ nhỏ. Việc các cơ sở GDMN cần phát huy là gợi mở và đánh giá cao những ý tưởng mới nảy sinh trong sản phẩm đồ dùng, đồ chơi, các hoạt động sinh viên tổ chức thực hiện.

### 3. Kết luận

Năng lực tư duy sáng tạo là năng lực thiết yếu của sinh viên ngành GDMN trong bối cảnh đổi mới, được thể hiện khi sinh viên đối mặt trước những tình huống, nỗ lực vượt qua những khó khăn nhằm giải quyết hiệu quả vấn đề. Quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non mang đặc trưng của hoạt động đa dạng, phức hợp, sinh viên phải được rèn luyện năng lực ứng biến tốt trong các tình huống phát sinh, vừa thu hút sự chú ý của trẻ, vừa làm làm tốt việc dẫn dắt quá trình vui chơi, học tập có chủ đích. Năng lực tư duy sáng tạo được bộc lộ xuyên suốt trong quá trình học tập, thực hành, thực tập, của sinh viên ngành GDMN.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Văn phòng Chính phủ, (2024). *Kết luận của Thủ tướng chính phủ Phạm Minh Chính về Đổi mới, phát triển giáo dục mầm non đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Hà Nội.
- [2] James JH, (2023). *The psychology of creativity and Hobbes*. Palgrave MacMillan.
- [3] Kant KJ, (2007). *The power of imagination*. Cambridge University Press.
- [4] George Pólya, (1945). *How to solve it*. Princeton University Press, New Jersey.
- [5] Descartes René J. (Translated by Veitch), (2004). *A discourse on method: meditations and principles*. Orion, London
- [6] Graham Wallas, (1926). *The art of thought*. Jonathan Cape, London.
- [7] PT Nghị, (2013). *Tâm lí học sáng tạo*. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [8] Kaufman, James C John Baer, (2012). Beyond New and Appropriate: Who Decides What Is Creative? *Creativity Research Journal*, 24, 83-91.
- [9] TT Hoài & NT Bá, (2020). Nghiên cứu các năng lực của sinh viên tốt nghiệp thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. *Tạp chí Nghiên cứu giáo dục*, 36(1), 75-88.
- [10] HV Sơn, (2012). *Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên đại học sư phạm*. NXB Giáo dục Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.
- [11] TT Liên, (2008). Nghiên cứu năng lực sáng tạo của sinh viên Sư phạm ngành Giáo dục tiểu học. *Tạp chí Khoa học*, 127, 36-38.
- [12] H Trọng & CNM Ngọc, (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. NXB Hồng Đức, Hà Nội.
- [13] Klaus KU, (1995). *Test zum schöpferischen Denken: zeichnerisch: (TSD-Z)*. Swets Test Services.
- [14] McClelland DC, (1973). Testing for competence rather than for "intelligence". *American Psychologist*, 28(1), 1-14.
- [15] Richard EB, (1991). *The competent manager: A model for effective performance*. John Wiley & Sons.
- [16] Lyle M Spencer, Signe M Spencer, (1993). *Competence at work: Models for superior performance*. Wiley, Michigan.
- [17] D R W Dubois, (2004). Competency-based or a traditional approach to training. *T and D* 58(4), 46-57.
- [18] H Phê, (2019). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [19] Rychen D S, Salganik L H, (2003). *Key competencies for a successful life and a well-functioning society*, Hogrefe & Huber.
- [20] V Dũng, (2008). *Từ điển Tâm lí học*. NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- [21] Lay Ah Nam, Kamisah Osman, (2020). Developing 21st Century Skills through a Constructivist-Constructionist Learning Environment. *K-12 STEM Education*, 3(2), 205-216.
- [22] Emily R Lai, Michaela M Viering, (2012). *Assessing 21st Century Skills: Integrating Research Findings*. Vancouver.
- [23] Alison Cook Sather, et all, (2019). *Pedagogical Partnerships*. John Wiley & Sons, Elon.